

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Bà Trần Thị Mộng Lành.
- 2- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- 1- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim Đ, sinh năm 1977 (có mặt).
 - 2- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1972 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Kim Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim Đ và anh Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết

hôn ngày 08/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp cuộc sống vẫn đến cự cãi nhau làm cho hạnh phúc không còn nữa. Từ đó, vợ chồng đã làm đơn tự thuận tình ly hôn từ ngày 14/4/2018 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 03/01/2000 và Trần Thị Khánh D, sinh ngày 23/02/2001, hiện nay các con sống chung với gia đình. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Kim Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trương Thị Kim Đ vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn C vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Trương Thị Kim Đ, xử cho chị Trương Thị Kim Đ và anh Trần Văn C được ly hôn.

Về con chung: Xét thấy, các cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 03/01/2000 và Trần Thị Khánh D, sinh ngày 23/02/2001 đã trưởng thành và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Kim Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Văn Cần đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn Cần.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim Đ và anh Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo trích lục kết hôn số 11/TLKH-BS ngày 14/5/2018 do chị Đ cung cấp nên hôn nhân của chị Đ và anh C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, sau khi vợ chồng về chung sống thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cuộc sống không hòa hợp, thường cự cãi nhau, làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa nên vợ chồng đã làm đơn tự thuận tình ly hôn với nhau từ ngày 14/4/2018 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị cũng không tự hòa giải được và anh C cũng không có mặt để tham gia phiên hòa giải.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Kim Đ xử cho Trương Thị Kim Đ và anh Trần Văn C ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Trương Thị Kim Đ và anh Trần Văn C có 02 người con tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 03/01/2000 và Trần Thị Khánh

D, sinh ngày 23/02/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Kim Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0005746 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Biên. Vậy chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Kim Đ và anh Trần Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Hiện nay cháu Trần Thị Tuyết N và Trần Thị Khánh D đã trưởng thành và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Kim Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn), theo lai thu số 0005746 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Đ có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/4/2019). Đối với anh C vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm